

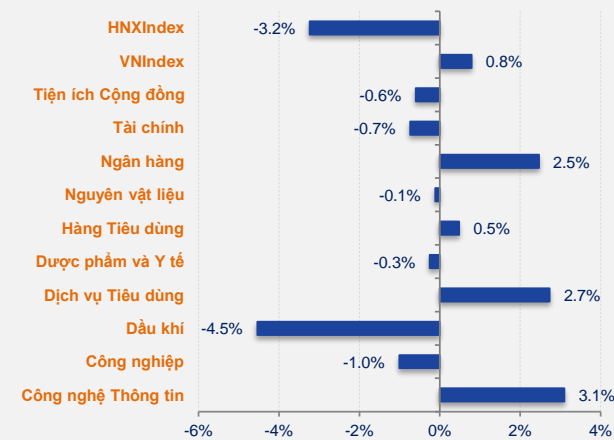


WEEKLY WRAP

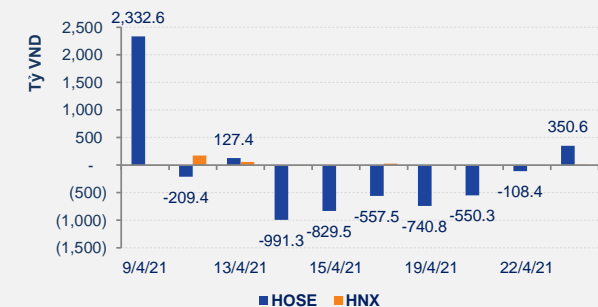
Tuần GD từ: 19/4/2021 - 23/4/2021

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,248.53	↑ 0.8%	283.63	↓ -3.2%
KLGD (trCP)	3,138.84	↓ -31.3%	638.55	↓ -35.4%
GTGD (tỷ VND)	83,193.24	↓ -22.0%	11,983.43	↓ -29.8%
Tổng cung (trCP)	6,723.47	↓ -22.1%	882.43	↓ -33.9%
Tổng cầu (trCP)	5,859.81	↓ -33.1%	790.89	↓ -35.4%
Giao dịch NĐT nước ngoài				
KL mua (trCP)	186.37	↑ 1.4%	2.08	↓ -85.3%
KL bán (trCP)	206.49	↓ -8.8%	4.41	↓ -58.5%
GT mua (tỷ VND)	8,949.27	↑ 17.5%	46.43	↓ -89.6%
GT bán (tỷ VND)	9,998.13	↓ -0.8%	74.23	↓ -65.6%

Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng nhẹ trong tuần thứ tư liên tiếp với thanh khoản tiếp tục ở mức cao. Cụ thể, kết thúc tuần giao dịch, VN-Index tăng 9,82 điểm (+0,8%) lên 1.248,53 điểm; HNX-Index giảm 9,48 điểm (-3,2%) xuống 283,63 điểm. Thanh khoản trên hai sàn suy giảm so với tuần trước đó do chỉ có 4 phiên giao dịch nhưng trung bình phiên tiếp tục ở mức cao với khoảng gần 23.800 tỷ đồng giao dịch mỗi phiên. Giá trị giao dịch trên HOSE giảm 22% xuống 83.193 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch giảm 31,3% xuống 3.184 triệu cổ phiếu; giá trị giao dịch trên HNX giảm 29,8% xuống 11.983 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch giảm 35,4% xuống 639 triệu cổ phiếu. Thị trường tăng nhẹ trong tuần qua khi chỉ một vài nhóm ngành có mức tăng mạnh, trong khi đa số các ngành khác đều chịu áp lực chốt lời và giảm. Nhóm cổ phiếu công nghệ thông tin tăng mạnh nhất với 3,1% giá trị vốn hóa, chủ yếu do mức tăng của các trụ cột như FPT (+4,1%), CMG (+0,3%)... Tiếp theo là nhóm cổ phiếu dịch vụ tiêu dùng với mức tăng 2,7% giá trị vốn hóa, chủ yếu nhờ mức tăng của trụ cột MWG (+10,1%). Nhóm trụ cột thị trường là ngân hàng tăng 2,5% giá trị vốn hóa, với các mã như VCB (+8%), VPB (+4,2%), MBB (+0,3%), VPB (+4,2%), TCB (+0,1%), ACB (+0,9%), SHB (+4,7%)... Ở chiều ngược lại, nhóm dầu khí giảm mạnh nhất với 4,5% giá trị vốn hóa với các mã như BSR (-7,8%), OIL (-7,1%), PVD (-6,2%), PVS (-9,4%), PVB (-8,6%)...

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường có tuần tăng điểm thứ tư liên tiếp với mức tăng nhẹ và thanh khoản tiếp tục ở mức cao cho thấy sự quan tâm lớn của nhà đầu tư đối với thị trường trong giai đoạn này. Trong tuần qua cũng chứng kiến việc VN-Index giằng co và rung lắc mạnh quanh ngưỡng 1.250 điểm. Nhưng cuối cùng thì VN-Index đã thất bại trước ngưỡng 1.250 điểm trong phiên cuối tuần sau khi đã hai lần kết phiên trên ngưỡng này trong hai phiên đầu tuần. Một điểm đáng lưu ý nữa là độ rộng thị trường, ngoại trừ một số bluechip trong nhóm ngân hàng, công nghệ thông tin và bán lẻ năng đỡ chỉ số thì hàng loạt các nhóm ngành khác đều bị chốt lời và giảm trong tuần qua. Trên góc độ sóng Elliot, VN-Index có khả năng đã kết thúc sóng tăng 5 để chuyển sang sóng điều chỉnh a với target gần nhất là quanh ngưỡng 1.140 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 5). Do đó, trong tuần giao dịch tiếp theo, xu hướng giảm có thể chiếm ưu thế. Nhà đầu tư trung hạn mua vào trong các phiên 28/1-2/2 và nhà đầu tư ngắn hạn mua vào trong các phiên 24/3-26/3 đã chốt lời nên đứng ngoài quan sát thị trường, chờ đợi những nhịp điều chỉnh sâu hơn để tham gia trở lại. Những nhà đầu tư vẫn còn nắm giữ cổ phiếu và kỳ vọng sóng tăng 5 có thể tiếp tục trong thời gian tới có thể áp dụng chiến lược trailing stop theo đường trung bình 20 ngày hiện quanh ngưỡng 1.230 điểm, nếu đóng cửa dưới ngưỡng này thì nên bán ra.

WEEKLY WRAP

Tuần GD từ: 19/4/2021 - 23/4/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng nhẹ trong tuần qua với ba phiên tăng điểm và một phiên giảm mạnh vào thứ 5. Mức cao nhất và thấp nhất trong tuần lần lượt tại 1.286,32 điểm và 1.216,15 điểm. Kết tuần, VN-Index tăng 9,82 điểm (+0,8%) lên 1.248,53 điểm.

HMC là cổ phiếu tăng giá mạnh nhất tuần với mức tăng 34% từ 18.300 đồng lên 24.500 đồng, tiếp theo là VPG với mức tăng 25% từ 25.200 đồng lên 31.600 đồng. Ở chiều ngược lại, DLG là cổ phiếu giảm mạnh nhất tuần với mức giảm 30% từ 4.280 đồng xuống 3.000 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm mạnh trong tuần qua với hai phiên tăng điểm vào đầu tuần và hai phiên giảm điểm vào cuối tuần. Mức cao nhất và thấp nhất trong tuần lần lượt tại 297,567 điểm và 277,933 điểm. Kết tuần, HNX-Index giảm 9,48 điểm (-3,2%) xuống 283,63 điểm.

MEL là cổ phiếu tăng giá ấn tượng nhất tuần với mức tăng 60% từ 8.300 đồng lên 13.300 đồng, tiếp theo là THS với mức tăng 43% từ 7.400 đồng lên 10.600 đồng. Ở chiều ngược lại, VE4 là cổ phiếu có mức giảm mạnh nhất tuần với 33% từ 35.300 đồng xuống 23.600 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 1.048,86 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 20,12 triệu đơn vị. Xét theo khối lượng ròng, mã bị bán ròng nhiều nhất là HPG với 10,7 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VPB với 7,9 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, MWG là mã được mua ròng nhiều nhất với 4,6 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 27,8 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 2,33 triệu cổ phiếu. Xét theo khối lượng ròng, ACM là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 792 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 546 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VND là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 830 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

CIEM: Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2021-2023 có thể đạt 6,76%/năm

“Nếu Việt Nam đạt được những đột phá trong chất lượng cải cách thể chế sẽ dẫn tới chất lượng tăng trưởng được cải thiện và tốc độ GDP trung bình có thể đạt tới 6,76%/năm.”

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index



VN-Index tăng nhẹ trong tuần qua và đóng cửa trên ngưỡng 1.250 điểm trong hai phiên đầu tuần. Nhưng chỉ số đã đóng cửa dưới ngưỡng này trong hai phiên cuối tuần. Thanh khoản khớp lệnh khớp lệnh suy giảm so với tuần trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 tuần trong bối cảnh chỉ có 4 phiên giao dịch cho thấy mức độ sôi động của thị trường trong tuần qua.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật vẫn là kịch bản sóng Elliott lập ra trước đó với sóng tăng 3 đã kết thúc khi tăng từ ngưỡng 925 điểm lên ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci extension 161,8% sóng tăng 1) và sóng điều chỉnh 4 cũng đã kết thúc với target theo kịch bản tiêu chuẩn là quanh ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng tăng 3) và kịch bản tiêu cực hơn là quanh ngưỡng 990 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 3). Thực tế thì thị trường đã giảm dưới ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm một chút rồi hồi phục trở lại trong phiên 29/1.

Vì sóng điều chỉnh 4 giảm mạnh hơn so với kịch bản tiêu chuẩn nên sóng tăng 5 sau đó với độ dài theo lý thuyết bằng sóng tăng 1 tức là khoảng 250 điểm (từ 650 điểm lên 900 điểm) thì target của sóng tăng 5 là quanh ngưỡng 1.250 điểm đã đạt được vào nửa đầu tháng 4/2021. Thực tế, thì sóng tăng 5 đã nở rộng được lên gần 270 điểm và VN-Index đạt đến gần ngưỡng 1.270 điểm trong phiên 13/4.

Do thị trường đóng cửa dưới ngưỡng 1.250 điểm trong tuần này nên có khả năng thị trường nở rộng sóng tăng 5 được đánh giá thấp hơn khả năng bước sang sóng điều chỉnh 4. Do đó, trong tuần giao dịch tiếp theo, thị trường có thể bước vào sóng điều chỉnh a với target gần nhất quanh 1.140 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 5) và thời gian dự kiến hoàn thành là vào tháng 5/2021.

Ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.230 điểm (MA20) sẽ là ngưỡng để các nhà đầu tư kỳ vọng sóng tăng 5 tiếp tục trailing stop trong giai đoạn này.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước giảm

Tại thời điểm 16 giờ, vàng SJC tại DOJI được niêm yết ở mức 55,4 - 55,75 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), giảm 50.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.

Tỷ giá trung tâm giảm 4 đồng

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 23/4 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.179 VND/USD, giảm 4 đồng so với hôm qua.

TIN THẾ GIỚI

Giá vàng thế giới tăng

Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 2,45 USD/ounce tương ứng với 0,14% lên 1.784,35 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm

Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,308 điểm tương ứng 0,35% xuống 91,010 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,2060 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3874 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 107,92 JPY.

Giá dầu thế giới tăng

Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,3 USD/thùng tương ứng với 0,49% lên mức 61,75 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ giảm điểm

Kết thúc phiên giao dịch ngày 22/4, chỉ số Dow Jones giảm 321,41 điểm tương ứng 0,94% xuống 33.815,9 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 131,8 điểm tương ứng 0,94% xuống 13.818,41 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 38,44 điểm tương ứng 0,92% xuống 4.134,98 điểm.

HOSE
Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MWG	4,560,400	HPG	(10,725,400)
2	STB	4,090,700	VPB	(7,920,500)
3	GMD	2,070,200	VRE	(6,237,300)
4	HDB	1,976,000	VHM	(6,041,900)
5	VIC	1,959,000	VNM	(4,359,898)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VND	830,000	ACM	(791,700)
2	VCS	89,300	PVS	(546,390)
3	PVL	81,100	PSE	(511,000)
4	NBC	80,400	HUT	(349,500)
5	HCC	76,100	ART	(285,800)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ROS	7.21	7.70 ↑ 6.80%		28,952,440
FLC	13.25	12.40 ↓ -6.42%		19,896,460
STB	22.35	22.45 ↑ 0.45%		18,233,990
HPG	54.50	56.40 ↑ 3.49%		16,380,140
HQC	4.76	4.38 ↓ -7.98%		14,745,820

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	26.00	27.00 ↑ 3.85%		144,102,205
KLF	6.30	6.70 ↑ 6.35%		89,121,199
SHS	30.70	28.30 ↓ -7.82%		50,366,642
PVS	23.60	21.20 ↓ -10.17%		46,427,307
HUT	6.90	6.30 ↓ -8.70%		41,122,413

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FUCVREIT	18.40	25.65	7.3 ↑	39.40%
HMC	18.30	24.50	6.2 ↑	33.88%
VPG	25.20	31.60	6.4 ↑	25.40%
AMD	6.35	7.80	1.5 ↑	22.83%
ABS	60.80	73.90	13.1 ↑	21.55%

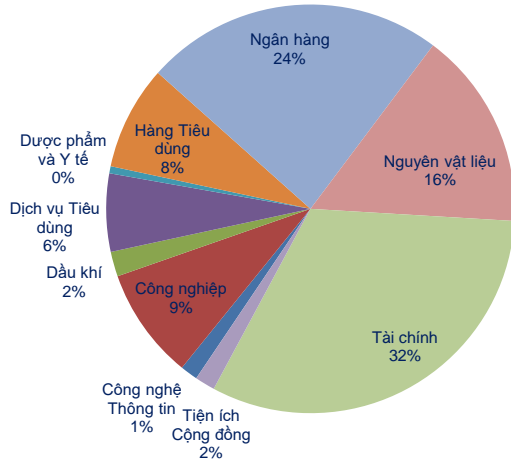
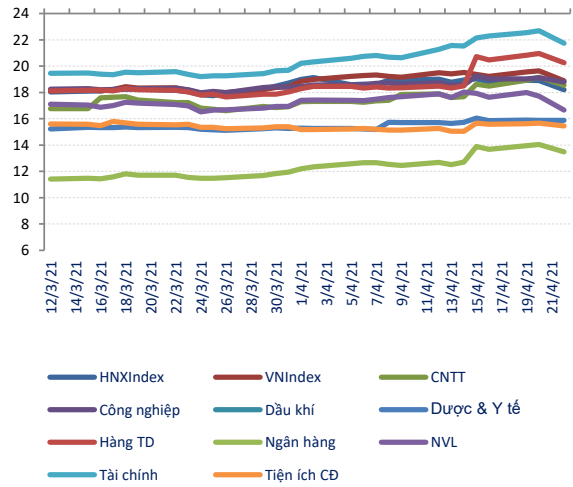
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MEL	8.30	13.30	5.0 ↑	60.24%
THS	7.40	10.60	3.2 ↑	43.24%
VIE	5.10	7.30	2.2 ↑	43.14%
DNC	43.40	56.10	12.7 ↑	29.26%
DAE	19.30	24.10	4.8 ↑	24.87%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DLG	4.28	3.00	-1.3 ↓	-29.91%
PXT	3.85	2.70	-1.2 ↓	-29.87%
DXV	6.09	4.54	-1.6 ↓	-25.45%
FTM	4.35	3.34	-1.0 ↓	-23.22%
RIC	24.60	19.10	-5.5 ↓	-22.36%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VE4	35.30	23.60	-11.7 ↓	-33.14%
KSQ	5.90	4.00	-1.9 ↓	-32.20%
ACM	4.80	3.30	-1.5 ↓	-31.25%
TTH	4.50	3.20	-1.3 ↓	-28.89%
KVC	4.70	3.40	-1.3 ↓	-27.66%

(*) Giá điều chỉnh

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH
Giá trị giao dịch tuần theo Ngành

Chuỗi PE ngành và thị trường

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	28,952,440	0.0%	2	5,202.8	0.7
FLC	19,896,460	1.3%	225	53.9	0.6
STB	18,233,990	9.6%	1,487	14.1	1.4
HPG	16,380,140	25.1%	4,060	13.5	3.1
HQC	14,745,820	0.2%	20	210.6	0.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	144,102,205	12.3%	1,552	17.9	2.0
KLF	89,121,199	0.2%	16	386.4	0.6
SHS	50,366,642	25.5%	3,639	7.4	1.7
PVS	46,427,307	4.8%	1,306	16.0	0.8
HUT	41,122,413	-7.6%	-875	-	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FUCVREIT	↑ 39.4%	N/A	N/A	N/A	N/A
HMC	↑ 33.9%	31.7%	5,979	3.8	1.1
VPG	↑ 25.4%	20.4%	2,396	12.8	2.3
AMD	↑ 22.8%	1.3%	155	47.9	0.6
ABS	↑ 21.5%	12.0%	1,045	69.4	6.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
MEL	↑ 60.2%	12.1%	1,563	7.7	0.9
THS	↑ 43.2%	8.3%	1,180	8.2	0.8
VIE	↑ 43.1%	-3.5%	-226	-	1.1
DNC	↑ 29.3%	32.0%	3,971	14.1	4.2
DAE	↑ 24.9%	13.5%	3,230	7.2	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	4,560,400	28.4%	8,570	16.6	4.2
STB	4,090,700	9.6%	1,487	14.1	1.4
GMD	2,070,200	5.6%	1,249	25.6	1.5
HDB	1,976,000	18.8%	2,667	9.9	1.7
VIC	1,959,000	4.3%	1,586	87.0	3.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	830,000	19.6%	3,313	10.6	2.0
VCS	89,300	39.1%	9,049	9.8	3.7
PVL	81,100	1.3%	59	61.3	0.8
NBC	80,400	11.2%	1,261	6.0	0.6
HCC	76,100	0.1%	14	724.9	1.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	466,775	4.3%	1,586	87.0	3.5
VCB	381,643	21.1%	4,975	20.7	4.1
VHM	347,044	35.6%	8,315	12.7	4.0
VNM	203,771	35.0%	5,313	18.4	6.1
HPG	182,231	25.1%	4,060	13.5	3.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	68,600	61.8%	7,032	27.9	4.5
SHB	48,489	12.3%	1,552	17.9	2.0
BAB	19,059	7.3%	830	32.4	2.3
VCS	14,240	39.1%	9,049	9.8	3.7
PVS	9,989	4.8%	1,306	16.0	0.8



Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
26/1/2021	23/4/2021	9/2/2021	8/2/2021	PPC	Đại hội Đồng Cổ đông
28/1/2021	23/4/2021	23/3/2021	22/3/2021	STD	Đại hội Đồng Cổ đông
9/2/2021	23/4/2021	9/3/2021	8/3/2021	CIG	Đại hội Đồng Cổ đông
9/2/2021	23/4/2021	2/3/2021	1/3/2021	AGF	Đại hội Đồng Cổ đông
5/2/2021	23/4/2021	0/1/1900	19/2/2021	DBT	Đại hội Đồng Cổ đông
24/2/2021	23/4/2021	19/3/2021	18/3/2021	VCB	Đại hội Đồng Cổ đông
22/2/2021	23/4/2021	23/3/2021	22/3/2021	BSR	Đại hội Đồng Cổ đông
5/3/2021	23/4/2021	15/3/2021	12/3/2021	VNA	Đại hội Đồng Cổ đông
2/3/2021	23/4/2021	16/3/2021	15/3/2021	TVD	Đại hội Đồng Cổ đông
25/2/2021	23/4/2021	19/3/2021	18/3/2021	SVC	Đại hội Đồng Cổ đông
24/2/2021	23/4/2021	19/3/2021	18/3/2021	STB	Đại hội Đồng Cổ đông
3/3/2021	23/4/2021	24/3/2021	23/3/2021	SBV	Đại hội Đồng Cổ đông
3/3/2021	23/4/2021	18/3/2021	17/3/2021	SFG	Đại hội Đồng Cổ đông
5/3/2021	23/4/2021	24/3/2021	23/3/2021	EVE	Đại hội Đồng Cổ đông
5/3/2021	23/4/2021	26/3/2021	25/3/2021	BTW	Đại hội Đồng Cổ đông
4/3/2021	23/4/2021	26/3/2021	25/3/2021	VTA	Đại hội Đồng Cổ đông
4/3/2021	23/4/2021	22/3/2021	19/3/2021	SSC	Đại hội Đồng Cổ đông
8/3/2021	23/4/2021	24/3/2021	23/3/2021	PVB	Đại hội Đồng Cổ đông
8/3/2021	23/4/2021	23/3/2021	22/3/2021	WCS	Đại hội Đồng Cổ đông
11/3/2021	23/4/2021	22/3/2021	19/3/2021	CIA	Đại hội Đồng Cổ đông
5/3/2021	23/4/2021	23/3/2021	22/3/2021	SVT	Đại hội Đồng Cổ đông
8/3/2021	23/4/2021	31/3/2021	30/3/2021	HPP	Đại hội Đồng Cổ đông
11/3/2021	23/4/2021	24/3/2021	23/3/2021	OCH	Đại hội Đồng Cổ đông
11/3/2021	23/4/2021	23/3/2021	22/3/2021	VNT	Đại hội Đồng Cổ đông
8/3/2021	23/4/2021	25/3/2021	24/3/2021	SMC	Đại hội Đồng Cổ đông
9/3/2021	23/4/2021	23/3/2021	22/3/2021	BLN	Đại hội Đồng Cổ đông
8/3/2021	23/4/2021	25/3/2021	24/3/2021	ICN	Đại hội Đồng Cổ đông
5/3/2021	23/4/2021	23/3/2021	22/3/2021	VID	Đại hội Đồng Cổ đông
9/3/2021	23/4/2021	23/3/2021	22/3/2021	TPH	Đại hội Đồng Cổ đông
9/3/2021	23/4/2021	24/3/2021	23/3/2021	TV3	Đại hội Đồng Cổ đông



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

TRỤ SỞ:

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

CHI NHÁNH TP.HCM

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn